|  |  |
| --- | --- |
| BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH PHƯỚC  **Trường THCS THUẬN PHÚ Tổ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**  Tổ trưởng: LÊ ĐĂNG XUYÊN  GVBM: Đặng Quang Vinh | KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ  **Môn: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 8**  Năm học: 2023-2024  Bộ sách: CÁNH DIỀU |

**Tuần: Ngày soạn: 19/06/2023 Ngày dạy:**

**A. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THCS:**

**PHẦN 2: NĂNG LƯỢNG VÀ SỰ BIẾN ĐỔI**

**Chủ đề 3: KHỐI LƯỢNG RIÊNG VÀ ÁP SUẤT**

**Bài 16: ÁP SUẤT (TIẾT 1)**

**I- MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Nêu được tác dụng, định nghĩa của áp lực lên mặt bị ép và những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng này.

- Nêu được những hiện tượng chứng tỏ: sự tồn tại của áp suất chất lỏng, áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng lên thành bình chứa chất lỏng, chất khí cũng như lên vật ở trong lòng chất lỏng.

- Liệt kê được một số đơn vị đo thông dụng.

1. **Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế.

- Hình thành kĩ năng làm việc theo nhóm.

- Dùng dụng cụ thực hành,khẳng định được: áp suất sinh ra khi có áp lực tác dụng lên một diện tích bề mặt,áp suất=áp lực/diện tích bề mặt.

- Thảo luận được công dụng của việc tăng,giảm áp suất qua một số hiện tượng thực tế.

1. **Thái độ**

- Yêu thích môn học, tìm tòi, khám phá giải thích các hiện tượng tự nhiên.

1. **Năng lực, phẩm chất**.

- Năng lực chung: Năng lực tự học và tự chủ, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Trình bày được kiến thức về các đại lượng, hiện tượng, định luật, nguyên lý vật lý ; Tính toán các công thức làm cơ sở cho các phép đo.

- Phẩm chất: Hình thành phẩm chất tự trọng, tự lực, chăm chỉ, vượt khó, tự hoàn thiện.

**II- TRỌNG TÂM**

- Áp suất là gì?Áp lực là gì?

- Công thức tính áp suất

**III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. **Giáo viên**

- Sách hướng dẫn học môn KHTN.

- Bộ thí nghiệm kiểm tra H16.2, 3, 4 lực tác dụng của chất ở mỗi trạng thái.

1. **Học sinh**

- Sách hướng dẫn học môn KHTN, vở ghi.

**IV- CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

1. **Hình thức tổ chức dạy học**: trong lớp; học sinh hoạt động cá nhân, nhóm…
2. **Phương pháp DH**: Dạy học nêu và giải quyết vấn đề thông qua thí nghiệm thực hành.
3. **Kĩ thuật dạy học**: Giao nhiệm vụ, chia nhóm.

**V- TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

1. **Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số
2. **Các hoạt động học**

**V- TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

1. **Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số
2. **Các hoạt động học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiêu chí cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Hoạt động nhóm nhỏ  **2. Phương pháp:** Dạy học theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.  **3. Kĩ thuật:** Chia nhóm,  giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi.  **4. Năng lực:** NL sử dụng ngôn ngữ, NL tìm tòi khám phá dưới góc độ vật lý, NL nhận thức kiến thức vật lý.  **5. Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ. | |
| **GV:** Giới thiệu số tiết của bàI- Tổ chức cho HS quan sát hình 16.1, đọc thông tin, thảo luận nhóm bàn và trả lời câu hỏi 1.  **HS:** Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  **GV:** Câu hỏi khởi động: Khi láng sân xi măng, vữa trên sân chưa khô hẳn, nếu đi trực tiếp trên đó thì sẽ để lại các vết chân lún sâu. Để tránh hỏng mặt sân, người ta thường đặt những tấm ván trên mặt sân để đi trên đó. Vì sao người ta lại làm như vậy ?  **HS:** Ghi dự đoán vào vở.  **GV:** Gợi ý câu trả lời  **HS:** Thảo luận nhóm, tiến hành thí nghiệm và ghi kết quả vào vở.   * 1. **Dự đoán câu trả lời**   2. **Bàn luận**   3. **Trình bày đáp án:**   **GV:** Quan sát, giúp đỡ các nhóm.  **HS:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  **GV:** Tổ chức cho HS rút ra phản biện,nêu quan điểm. | **A. Hoạt động khởi động** |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Trên lớp, nhóm  **2. Phương pháp:** Nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác.  **3. Kĩ thuật:** Giao nhiệm vụ, chia nhóm, đặt câu hỏi, học tập hợp tác, lắng nghe và phản hồi tích cực.  **4. Năng lực – phẩm chất:** năng lực tự học và tự chủ…, phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm… | |
| **GV: Trình bày giải thích,đáp án:** Chân con người dẫm lên sân vừa mới lát xi măng còn ướt thì sẽ bị lún, vì vậy nên đi trên 1 ván gỗ rộng, nó sẽ giảm áp lực của người đi lên suy ra không bị lún sâu khi đi .  **GV: Câu hỏi 1: Nêu một số ví dụ về áp lực trong thực tế.**  **HS: Hoạt động nhóm đơn**  **GV:Trả lời:**   * Người đứng trên bàn, đè lên bàn 1 áp lực qua 2 bàn chân. * Xe ô tô chạy trên đường đè lên mặt đường 1 áp lực. * Dùng búa đóng đinh. * Hòn đá trên mặt đất. * Kiện hàng trên ô tô * Vật để trên bàn   **HS:** Rút kinh nghiệm  **GV: Câu hỏi hình thành kiến thức: Theo em,như thế nào gọi là áp lực?**  **HS: Dựa vào thông tin SGK và các hoạt động vừa rồi trả lời câu hỏi của GV**  **GV:Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.** | **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**  **I. ÁP SUẤT:**  **1. Áp lực:**  **🖎 Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.**  **Ví dụ: viên gạch trên sàn ; vật để trên bàn ;….** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Trên lớp, cá nhân  **2. Phương pháp:** Nêu và giải quyết vấn đề.  **3. Kĩ thuật:** Giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi.  **4. Năng lực – phẩm chất:** năng lực tự học và tự chủ…, phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm.... | |
| **Giáo viên: Tổ chức cho học sinh hoạt động cá nhân điền vào phiếu học tập:**  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**  **GV: Luyện tập: Khi đứng trên sàn nhà,chân ta áp dụng một (1) lên sàn nhà theo phương (2) với mặt đất.Do có trọng lượng nên các vật trong nhà như: tủ,TV,bàn,... tác dụng (3) lên sàn nhà.Các (4) được xem là áp lực.**  **HS: Hoạt động cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi.**  **GV: Thông báo kết quả**  **Luyện tập: Khi đứng trên sàn nhà,chân ta áp dụng một lực ép lên sàn nhà theo phương vuông góc với mặt sàn.Do có trọng lượng nên các vật trong nhà như: tủ,TV,bàn,... tác dụng lực ép lên sàn nhà.Các lực ép đó được xem là áp lực.**  **HS: Rút kinh nghiệm**  **GV: Tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm rút ra kết luận cho phần này theo 2 câu hỏi như sau:**  **Câu hỏi 2: Ở hình 16.1, lực nào sau đây không phải là áp lực? Vì sao?**  a) Lực do người tác dụng lên xe kéo.  b) Lực do xe kéo tác dụng lên mặt đất.  c) Lực do các thùng hàng tác dụng lên xe kéo.  **HS: Học sinh hoạt động nhóm theo tổ và suy nghĩ câu trả lời dựa vào thông tin SGK đã cho.**  **GV: Trả lời:**  **Câu hỏi 2:**  a) Lực do người tác dụng lên xe kéo - không phải áp lực, lực do người tác dụng vào xe là lực đẩy  b) Lực do xe kéo tác dụng lên mặt đất - là áp lực vì lực của xe kéo tác dụng lên mặt đường chính là trọng lực của máy kéo, có phương vuông góc với mặt bị ép là mặt đường trong trường hợp này.  c) Lực do các thùng hàng tác dụng lên xe kéo - không phải áp lực vì lực do các thùng hàng tác dụng lên xe kéo là trọng lực.  **GV: Tổ chức cho HS nắm rõ kiến thực bởi câu hỏi sau:**  **Câu hỏi 3:** Tác dụng của áp lực lên mặt bị ép phụ thuộc vào yếu tố nào?  **HS:** Dự đoán và suy nghĩ trả lời:  ***Phụ thuộc vào cường độ của áp lực và diện tích bị ép*** | **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **I. ÁP SUẤT:**  **1. Áp lực:**  ***Tác dụng của áp lực lên mặt bị ép Phụ thuộc vào cường độ của áp lực và diện tích bị ép*** |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **GV Giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  Cho trường hợp như sau: “Vật nặng đặt trên bàn có hình vuông có cạnh a.Biết vật nặng có trọng lượng là 20 N”.Xác định áp lực và diện tích mặt bị ép trong trường hợp này là?  **HS:** Thảo luận nhóm. Đại diện nhóm trả lời.  **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**  **GV giao nhiệm vụ về nhà:**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh về nhà xác định phương và chiều của các lực: Lực của máy kéo tác dụng lên mặt đường, lực của ngón tay tác dụng lên đầu đinh, lực của mũi đinh tác dụng lên gỗ. | |

**Bài 16: ÁP SUẤT (TIẾT 2)**

**I- MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Nêu được tác dụng, định nghĩa của áp lực lên mặt bị ép và những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng này.

- Nêu được những hiện tượng chứng tỏ: sự tồn tại của áp suất chất lỏng, áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng lên thành bình chứa chất lỏng, chất khí cũng như lên vật ở trong lòng chất lỏng.

1. **Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế.

- Hình thành kĩ năng làm việc theo nhóm.

1. **Thái độ**

- Yêu thích môn học, tìm tòi, khám phá giải thích các hiện tượng tự nhiên.

1. **Năng lực, phẩm chất**.

- Năng lực chung: Năng lực tự học và tự chủ, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Trình bày được kiến thức về các đại lượng, hiện tượng, định luật, nguyên lý vật lý ; Tính toán các công thức làm cơ sở cho các phép đo.

- Phẩm chất: Hình thành phẩm chất tự trọng, tự lực, chăm chỉ, vượt khó, tự hoàn thiện.

**II- TRỌNG TÂM**

- Tác dụng của áp lực. Áp suất

- Công thức tính,đơn vị đo,dụng cu đo áp suất

**III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. ***Giáo viên***

- Sách hướng dẫn học môn KHTN.

- Bộ thí nghiệm kiểm tra H16.2, 3, 4 lực tác dụng của chất ở mỗi trạng thái.

1. **Học sinh**

- Sách hướng dẫn học môn KHTN, vở ghi.

**IV- CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

1. **Hình thức tổ chức dạy học**: trong lớp; học sinh hoạt động cá nhân, nhóm…
2. **Phương pháp DH**: Dạy học nêu và giải quyết vấn đề thông qua thí nghiệm thực hành.
3. **Kĩ thuật dạy học**: Giao nhiệm vụ, chia nhóm.

**V- TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

1. **Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số
2. **Các hoạt động học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiêu chí cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Hoạt động nhóm nhỏ  **2. Phương pháp:** Dạy học theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.  **3. Kĩ thuật:** Chia nhóm,  giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi.  **4. Năng lực:** NL sử dụng ngôn ngữ, NL tìm tòi khám phá dưới góc độ vật lý, NL nhận thức kiến thức vật lý.  **5. Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ. | |
| **GV:** Giới thiệu dụng cụ TN. Tổ chức cho HS tiến hành thí nghiệm theo các bước.  **HS:** Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  **GV:** Quan sát và giúp đỡ học sinh khi làm TN  **HS:** Thực hành TN,đọc thông tin trong sách giáo khoa để trả lời các câu hỏi:  **a. Thực hiện thí nghiệm**  **b. Kiểm tra dự đoán thí nghiệm**  **c. Kết luận**  **d. Vận dụng**  **GV:** Giáo viên đặt câu hỏi thí nghiệm như sau cho học sinh:  **Câu hỏi 4:** So sánh áp suất do khối kim loại tác dụng lên cát trong trường hợp ở hình 16.2a với 16.2b và 16.2c.  **HS:** Dựa vào thí nghiệm và thông tin SGK trả lời câu hỏi của GV.  **GV:** Trả lời và cho HS rút kinh nghiệm:  **Câu hỏi 4:** Ta có:  Khối lượng vật ở (hình 16.2c ) > khối lượng vật ở (hình 16.2a ); khối lượng vật ở (hình 16.2a ) = khối lượng vật ở (hình 16.2b)  Độ lớn áp lực: trường hợp (hình 16.2c) > trường hợp (hình 16.2a ); trường hợp (hình 16.2b) = trường hợp (hình 16.2a)  Diện tích bị ép: trường hợp (hình 16.2c) = trường hợp (hình 16.2a); trường hợp (hình 16.2b) < trường hợp (hình 16.2a).  Mối liên hệ giữa áp suất với áp lực và diện tích bị ép:  Cùng với một diện tích bị ép như nhau, áp lực càng lớn thì độ lún càng lớn hay áp suất càng lớn  Cùng với một độ lớn áp lực, diện tích bị ép càng lớn thì tác dụng của áp lực lên diện tích đó càng nhỏ hay áp suất càng nhỏ.  P3>P1 ; P2>P1 | **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  **I. ÁP SUẤT**  **2. Khái niệm áp suất** |
| **GV: Giáo viên đặt câu hỏi rút ra kết luận khái niệm áp suất:**  **HS: Dựa vào thông tin trong SGK trả lời câu hỏi của giáo viên.**  **GV:** Tổ chức cho HS rút ra công thức tính và đơn vị áp suất như sau:  **GV:** Đặt câu hỏi cho HS là hãy cho biết công thức tính áp suất.Nêu rõ kí hiệu,đơn vị đo của áp suất:  **HS:** Hoạt động cá nhân dựa vào thông tin trong SGK rút ra công thức  **GV:** Thông báo công thức và đơn vị của áp suất. | **\*Áp suất:** Áp suất được tính bằng áp lực tác dụng lên một đơn vị diện tích mặt bị ép.  **\*Công thức tính Áp suất:**  ***Áp suất=áp lực / diện tích mặt bị ép***  **Hay**  Trong đó:  - p là: áp suất ; F là: áp lực ; S là diện tích mặt bị ép  **\*Đơn vị đo áp suất là:** pascal,ký hiệu Pa (1pa= 1N/m2)  **\*Ngoài ra còn có các đơn vị thường dùng như:**  **-** bar (1 bar = 100 000 Pa)  - atmosphere kí hiệu: atm (1 atm = 101 300 Pa)  - milimet thủy ngân kí hiệu: mmHg (1mmHg=133,3 Pa)  **\*Để đo áp suất,chúng ta dùng áp kế** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Trên lớp, cá nhân.  **2. Phương pháp:** Nêu và giải quyết vấn đề.  **3. Kĩ thuật:** Giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, công não.  **4. Năng lực – phẩm chất:**năng lực tự học và tự chủ…, phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm… | |
| **GV:** Tổ chức hoạt động làm các câu hỏi luyện tập như sau:  **Câu hỏi luyện tập:** Một khối gỗ hình hộp chữ nhật có kích thước 1 m x 1 m x 2 m và có trọng lượng 200 N. Tính áp suất khối gỗ tác dụng lên mặt sàn trong hai trường hợp ở hình 16.3.  **HS:** Học sinh suy nghĩ dựa vào CT và trả lời. | **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **Câu hỏi luyện tập:**  a, Diện tích mặt bị ép  1⋅1=1m2  Áp suất khối gỗ tác dụng lên mặt sàn là  p=P:S=200:1=200N/m  b, Diện tích mặt bị ép  1⋅2=2m2  Áp suất khối gỗ tác dụng lên mặt sàn là  p=P:S=200:2=100N/m  Đáp số: a= 200N/m ; b=100N/m |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**  **GV Giao nhiệm vụ:** yêu cầu HS hoạt động cá nhân bài tập:  **BTVN:** Cho hai trường hợp như sau và tính áp suất của mỗi trường hợp tác dụng lên bề mặt bị ép:  a) Cho một hộp gỗ hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng 4(cm);rộng bằng 3(cm).Biết trọng lượng của hộp gỗ là 48 N.  b) Cho một hộp gỗ khác dạng hình lăng trụ đứng đáy tứ giác có mặt đáy là hình vuông có cạnh bằng 2.Biết trọng lượng của khối gỗ là 16 N.  **HS:** Thực hiện nhiệm vụ  **GV:** Tổ chức buổi học giải và giải thích cho HS rút kinh nghiệm.  **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**  **GV giao nhiệm vụ về nhà:**            - Giáo viên hướng dẫn học sinh về nhà tìm hiểu áp suất ánh sáng và áp suất của một số chất: Áp suất ở tâm Mặt trời, tâm Trái đất...            - Sản phẩm nộp vào tiết sau. | |

**Bài 16: ÁP SUẤT (TIẾT 3)**

**I- MỤC TIÊU**

1. **Kiến thức**

- Nêu được tác dụng, định nghĩa của áp lực lên mặt bị ép và những yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng này.

- Nêu được những hiện tượng chứng tỏ: sự tồn tại của áp suất chất lỏng, áp suất khí quyển và áp suất này tác dụng lên thành bình chứa chất lỏng, chất khí cũng như lên vật ở trong lòng chất lỏng.

1. **Kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các hiện tượng trong thực tế.

- Hình thành kĩ năng làm việc theo nhóm.

1. **Thái độ**

- Yêu thích môn học, tìm tòi, khám phá giải thích các hiện tượng tự nhiên.

1. **Năng lực, phẩm chất**.

- Năng lực chung: Năng lực tự học và tự chủ, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp.

- Năng lực chuyên biệt: Trình bày được kiến thức về các đại lượng, hiện tượng, định luật, nguyên lý vật lý ; Tính toán các công thức làm cơ sở cho các phép đo.

- Phẩm chất: Hình thành phẩm chất tự trọng, tự lực, chăm chỉ, vượt khó, tự hoàn thiện.

**II- TRỌNG TÂM**

- Tác dụng của áp lực. Áp suất

- Công thức tính áp suất

- Áp suất chất lỏng, áp suất khí quyển

**III- CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

1. **Giáo viên**

- Sách hướng dẫn học môn KHTN.

- Bộ thí nghiệm kiểm tra H16.2, 3, 4 lực tác dụng của chất ở mỗi trạng thái.

1. **Học sinh**

- Sách hướng dẫn học môn KHTN, vở ghi.

**IV- CÁC PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

1. **Hình thức tổ chức dạy học**: trong lớp; học sinh hoạt động cá nhân, nhóm…
2. **Phương pháp DH**: Dạy học nêu và giải quyết vấn đề thông qua thí nghiệm thực hành.
3. **Kĩ thuật dạy học**: Giao nhiệm vụ, chia nhóm.

**V- TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

1. **Ổn định tổ chức:** Kiểm tra sĩ số
2. **Các hoạt động học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Tiêu chí cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Hoạt động nhóm nhỏ  **2. Phương pháp:** Dạy học theo nhóm, nêu và giải quyết vấn đề.  **3. Kĩ thuật:** Chia nhóm,  giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi.  **4. Năng lực:** NL sử dụng ngôn ngữ, NL tìm tòi khám phá dưới góc độ vật lý, NL nhận thức kiến thức vật lý.  **5. Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ. | |
| **GV:** Giới thiệu số tiết của bài- Tổ chức cho HS thảo luận tình huống: Tại sao khi lặn sâu, người thợ lặn phải mặc áo lặn chịu được áp suất lớn?  **HS:** Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  **GV:** Khi lặn xuống biển, người thợ lặn mặc bộ áo lặn nặng nề, chịu được áp suất lên đến hàng nghìn N/m2 vì lặn dưới sâu dưới lòng biển.Áp suất do nước biển gây nên lên đến hàng nghìn N/m2, người thợ lặn nếu không mặc áo lặn thì sẽ không thể chịu được áp suất này. |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Trên lớp, nhóm  **2. Phương pháp:** Nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác.  **3. Kĩ thuật:** Giao nhiệm vụ, chia nhóm, đặt câu hỏi, học tập hợp tác, lắng nghe và phản hồi tích cực.  **4. Năng lực – phẩm chất:** năng lực tự học và tự chủ…, phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm… | |
| **GV:** Tổ chức cho HS hoạt động hình thành kiến thức:  **Câu hỏi 5.**  a) Vì sao các mũi đinh đều được làm nhọn (hình 16.4a)?  b) Vì sao phần lưỡi dao thường được mài mỏng (hình 16.4b)? Vì sao khi thái thức ăn, nhiều khi ta cần tăng lực tác dụng lên dao?  c) Vì sao khi làm phẳng nền nhà lát vữa xi măng, người thợ lại cần dùng giày đế phẳng và rộng (hình 16.4c)?  **HS:** Suy nghĩ trả lời  **GV:** Trả lời:  a, Mũi đinh đều được làm nhọn để làm giảm diện tích tiếp xúc nên tăng áp suất, nên dễ dàng đâm xuyên qua vật.  b, Phần lưỡi dao càng mỏng thì sẽ giảm được diện tích tiếp xúc khi cắt đồ vật, nhờ đó mà chỉ cần tác dụng một lực nhỏ cũng tạo ra một áp suất lớn nên dễ dàng có thể cắt, chặt.  c, Giày đế phẳng sẽ giảm áp lực lên bê mặt nền, rộng thì diện tích bị ép sẽ lớn dẫn đén áp suất thấp như vậy nền xi măng sẽ không bị lún  **HS:** Tiếp thu và rút kinh nghiệm  **GV:** Tổ chức cho HS các hoạt động ví dụ về chứng minh trong một số trường hợp áp suất tác dụng lên mặt bị ép càng lớn thì lại càng có hại ,khi đó chúng ta cần giảm áp suất.Ngược lại trong một số trường hợp khác chúng ta cần tăng áp suất.  **Câu hỏi vận dụng:** Vậy để tăng áp suất tác dụng lên một mặt tiếp xúc chúng ta cần làm như thế nào?  **HS:** Hoạt động thảo luận nhóm.  **HS:** Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  **GV:** Tổ chức cho học sinh rút kinh nghiệm  ***Để tăng áp suất tác dụng lên một mặt tiếp xúc chúng ta cần phải:***   * **Giữ nguyên áp lực**,**giảm** diện tích mặt bị ép * **Giữ nguyên** diện tích mặt bí ép,**tăng áp lực** * Đồng thời **tăng áp lực**,**giảm diện tích mặt bị ép** | **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **I. ÁP SUẤT:**  **3. Tăng giảm áp suất**  - Trong một số trường hợp áp suất tác dụng lên mặt bị ép càng lớn thì lại càng có hại ,khi đó chúng ta cần giảm áp suất  - Để tăng áp suất tác dụng lên một mặt tiếp xúc chúng ta cần phải:   * ***Giữ nguyên áp lực****,****giảm*** *diện tích mặt bị ép* * ***Giữ nguyên*** *diện tích mặt bí ép,****tăng áp lực*** * *Đồng thời* ***tăng áp lực****,****giảm diện tích mặt bị ép*** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**  **1. Hình thức tổ chức dạy học:** Trên lớp, nhóm  **2. Phương pháp:** Nêu và giải quyết vấn đề, dạy học hợp tác.  **3. Kĩ thuật**: Giao nhiệm vụ, chia nhóm, đặt câu hỏi, học tập hợp tác, lắng nghe và phản hồi tích cực.  **4. Năng lực – phẩm chất:** năng lực tự học và tự chủ…, phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm… | |
| **Giáo viên:** Tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm câu hỏi VD:  **Câu hỏi vận dụng:**Tìm ví dụ trong thực tế về những trường hợp cần tăng hoặc giảm áp suất và giải thích cách làm tăng hay giảm áp suất trong những trường hợp đó.  **HS:** Thảo luận nhóm hoàn thành bài tập  **GV:** Tổ chức cho HS rút kinh nghiệm | **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** |
| Giảm áp suất:   * Bánh xe tăng để làm giảm độ lún của vật trên nền đất, người ta làm vật này có mặt tiếp xúc lớn * Nồi áp suất mở van cho khí bay hết ra ngoài thì mới mở dược nắp nồi   Tăng áp suất   * Ống hút được làm nhọn để giảm diện tích bị ép nhằm tăng áp suất |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**GV Giao nhiệm vụ:** Yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm câu sau:

Bài tập về nhà: Cho một vật nặng hình lập phương đặt trên mặt sàn đá có trọng lượng bằng 60 N.Có cạnh bằng 2(cm).Hãy tóm tắt và tính áp suất tác dụng lên mặt bị ép.

**HS:** Thực hiện nhiệm vụ

**GV:** Tổ chức cho HS rút kinh nghiệm.

**E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG**

**GV giao nhiệm vụ về nhà:**

    - Giáo viên hướng dẫn học sinh về nhà học bài cũ; làm bài tập sách bài tập ; và nghiên cứu trước nội dung SGK bài tiếp theo.

**B. RÚT KINH NGHIỆM,CHỈNH SỬA,PHÊ DUYỆT CỦA TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN:**

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **Giáo viên bộ môn**  (Đã ký)  **Đặng Quang Vinh** | *Bình Phước - ngày 19,tháng 06,năm 2023*  **Chữ ký tổ trưởng chuyên môn**  (Đã ký)  **Lê Đăng Xuyên** |